

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 114/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2020

NGHỊ ĐỊNH**Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13;**Căn cứ Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.***Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 116/2020/QH14, bao gồm:

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.
3. Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.

Điều 2. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

2. Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế theo quy định tại khoản 1 Điều này là tổng doanh thu trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của doanh nghiệp bao gồm toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 hoạt động không đủ 12 tháng thì tổng doanh thu năm 2020 được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 chia (:) cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 nhân (x) với 12 tháng. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong tháng thì thời gian hoạt động được tính đủ tháng.

3. Trường hợp doanh nghiệp dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thì doanh nghiệp xác định tạm nộp hàng quý bằng 70% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý.

4. Kết thúc kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, trường hợp tổng doanh thu năm 2020 của doanh nghiệp không quá 200 tỷ đồng thì doanh nghiệp thực hiện kê khai giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2020 khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 được tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm quy định tại Nghị định này được tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, sau khi đã trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch, trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp xác định theo năm tài chính áp dụng quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Trường hợp kỳ tính thuế năm đầu tiên của doanh nghiệp mới thành lập là năm 2019 hoặc kỳ tính thuế năm cuối cùng đối với doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản là năm 2021 có thời gian ngắn hơn 03 tháng thì được cộng với kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 để hình thành một kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định tổng doanh thu và số thuế được giảm trong trường hợp này chỉ áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 (12 tháng).

Điều 3. kê khai giảm thuế

1. Doanh nghiệp tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm khi tạm nộp hàng quý và khi kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020. Khi lập hồ sơ khai thuế, doanh nghiệp kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trên các mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) và trên Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Khi thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp quý thì doanh nghiệp nộp bổ sung số tiền thuế còn thiếu và tính tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế nhiều hơn so với số thuế phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 thì xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Qua thanh tra, kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền phát hiện doanh nghiệp không thuộc đối tượng được giảm thuế theo quy định của Nghị định này hoặc số thuế phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 lớn hơn số thuế đã nộp theo quy định thì doanh nghiệp phải nộp số tiền thuế thiếu, tiền phạt và tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp doanh nghiệp khai bổ sung hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm 2020 hoặc thực hiện quyết định sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền làm tăng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thì số thuế tăng thêm được giảm 30% theo quy định của Nghị định này.

Trường hợp doanh nghiệp khai bổ sung hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm 2020 hoặc thực hiện quyết định sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thì xử lý số tiền thuế nộp thừa (nếu có) theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết số 116/2020/QH14 có hiệu lực thi hành và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục*(Kèm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHỤ LỤC**
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC GIẢM
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 116/2020/QH14 NGÀY 19 THÁNG 6 NĂM 2020

[01] Kỳ tính thuế:

 Từng lần phát sinh: Ngày... tháng... năm.... Năm 2020[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ.....

[07] Số điện thoại:.....

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[09] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1.	Tổng số thuế TNDN phải nộp	[10]	
	<i>Trong đó</i>		
1.1.	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh	[11]	
1.2.	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[12]	
1.3.	Thuế TNDN phải nộp khác	[13]	
2.	Số thuế TNDN được giảm	[14]	
	<i>Trong đó</i>		
2.1.	Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất, kinh doanh	[15]	

	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
2.2.	Thuế TNDN được giảm của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[16]	
2.3.	Thuế TNDN được giảm khác	[17]	

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. Chỉ tiêu [15] - Số thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Phụ lục này được kê khai trên chỉ tiêu [C14] của tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN áp dụng với người nộp thuế tính thuế TNDN theo phương pháp doanh thu - chi phí hoặc được kê khai giảm trực tiếp trên chỉ tiêu Tổng số thuế TNDN phải nộp tại cột 11 của tờ khai thuế TNDN mẫu số 04/TNDN áp dụng với người nộp thuế tính thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu.

2. Chỉ tiêu [16] - Số thuế TNDN được giảm của hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại Phụ lục này được kê khai giảm trực tiếp trên chỉ tiêu [D2] của tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN hoặc được kê khai giảm trực tiếp trên chỉ tiêu [35] của tờ khai thuế TNDN mẫu số 02/TNDN.

3. Chỉ tiêu [17] - Số thuế TNDN được giảm khác tại Phụ lục này được kê khai giảm trực tiếp trên chỉ tiêu [D3] của tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN.